

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Việt

2. Bà Đồng Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn B, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: 26 CT S C W, Hoa Kỳ.

Tạm trú: Nguyễn Đình C, Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Minh N, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Trần Thị T, Phường H, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 27/8/2019, nguyên đơn- anh Cao Văn B trình bày:

Vào ngày 10/12/2018, anh về Việt Nam và gặp cháu gái của chị N1 tên là Hồ Thị Minh N, sinh năm 1990, ngụ tại địa chỉ Trần Thị T, Phường

H, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang. Ngày 15/12/2018 anh và chị Hồ Thị Minh N có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M1, tỉnh Tiền Giang số vào sổ 43 ngày 24/6/2019. Sau 07 tháng chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do mâu thuẫn cuộc sống, bất đồng quan điểm. Lý do chị N có người đàn ông khác và đã 01 đời chồng và một đứa con gái riêng. Lúc anh về Việt Nam thấy chồng cũ của chị N có tới thăm con mà chị nói là bạn. Anh cảm thấy chị N không thật tình nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Về hôn nhân: yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn với chị Hồ Thị Minh N.
2. Về con chung: không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do phải về Mỹ làm việc, không có thời gian về Việt Nam để tham dự các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án, do đó anh xin phép được vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Tại bản tự khai, đơn vắng mặt đề ngày 20/9/2019, bị đơn – chị Hồ Thị Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn B xin ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Do bận làm việc không có điều kiện để tham dự các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án, do đó chị xin phép được vắng các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án cho đến khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Cao Văn B có đơn xin ly hôn với Hồ Thị Minh N. Anh B là người Việt Nam có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 26 CT S C W, Hoa Kỳ. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Cao Văn B và chị Hồ Thị Minh N có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Cao Văn B và chị Hồ Thị Minh N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M1, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 24/6/2019, nên quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị N được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo bản tự khai của anh B thì sau 07 tháng chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm. Lý do chị N có người đàn ông khác và đã 01 đời chồng và một đứa con gái riêng. Lúc anh về Việt Nam thấy chồng cũ của chị N có tới thăm con mà chị nói là bạn. Anh cảm thấy chị N không thật tình nên anh yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn với chị N. Anh và chị N không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 20/9/2019, chị N có ý kiến đồng ý ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có.

Căn cứ vào lời trình bày của anh B và chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị N là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị N theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh B và chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Văn B.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Cao Văn B tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Bạc đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn B (Cao B Van) được ly hôn với chị Hồ Thị Minh N.

2. Về án phí: Anh Cao Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001066 ngày 27/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án, anh B cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND thành phố M1, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan